

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ X
TỈNH Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2019/DS-ST.**

Ngày: 08-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X – TỈNH Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Hồng.

2/ Bà Võ Hân Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X, tỉnh Y tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Y. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST-DS ngày 15/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quảng Trọng B, sinh năm 1978 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp Long Phước, xã Long Bình, thị xã X, tỉnh Y.

Đại diện ủy quyền là ông Quảng Văn H, sinh năm 1951 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp Tân B, xã Long B, thị xã X, tỉnh Y.

- Bị đơn:

1/ Bà Võ Văn N (*Vắng mặt không lý do*).

2/ Bà Phạm Mỹ X (*Vắng mặt không lý do*).

Cùng địa chỉ: Số 106, khóm Tân T, Phường 2, thị xã X, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Quảng Văn H trình bày:*

Vào ngày 01/02/2016 âm lịch ông B có cho vợ chồng ông N, bà X vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, việc vay có

làm B nhận nợ, có thỏa thuận thời gian trả là 03 tháng. Từ khi vay cho đến nay phía vợ chồng ông N không có đóng lãi hay trả vốn cho ông B. Ông B có yêu cầu ông N trả nhiều lần nhưng không chịu trả, việc ông N và bà X vay tiền là dùng để xoay sở trong gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn N và bà Phạm Mỹ X trả số tiền vốn vay cho ông B là 50.000.000 đồng, rút lại phần yêu cầu tính lãi suất.

** Căn cứ vào B bản xác minh ngày 16/9/2019 và ngày 02/10/2019 bị đơn bà Phạm Mỹ X trình bày:*

Vợ chồng bà có nhận được các giấy tờ văn bản tài liệu mà Tòa án gửi cho vợ chồng bà, theo bà thì trước đây vào ngày 01/02/2016 anh N có vay của ông B số tiền 50 triệu, lãi suất bao nhiêu thì bà không biết, bà có chở anh N lại nhà ông B vay tiền và làm B nhận lúc đó bà có hỏi anh N vay để làm gì thì anh N cho rằng vay để tiêu xài cá nhân riêng không có liên quan gì đến bà, việc anh N vay tiền cũng không có phục vụ cho gia đình gì hết mà chỉ dùng vào việc cờ bạc, chữ ký trong B nhận tiền ông B cung cấp là chữ ký của ông N vì ngày hôm đó bà về nhà mẹ ruột thì anh N có nhờ bà lại anh B nhận tiền, bà chỉ chở vậy thôi còn việc vay tiền không liên quan đến bà. Anh N vay thì tự chịu trách nhiệm bà không đồng ý trả tiền cùng anh N. Bà có hỏi anh N việc ông B kiện đòi tiền thì anh N cho rằng trả từ từ có bao nhiêu thì trả bao nhiêu còn trả 01 lần 50.000.000 đồng thì không có khả năng.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét việc ông B cho rằng có cho vợ chồng ông N vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng sau khi vay phía vợ chồng ông B không trả vốn và đóng lãi. Cùng với việc yêu cầu ông có cung cấp tờ giấy B nhận cho Tòa án có chữ ký của ông Võ Văn N. Còn bị đơn bà X thừa nhận việc ông N có vay tiền cũng như chữ ký trong tờ B nhận do nguyên đơn cung cấp là của ông N nhưng bà cho rằng việc ông N vay tiền để chi xài riêng, ông N thừa nhận trả từ từ, bà thì không có sử dụng nguồn tiền này nên không đồng ý trả. Tuy nhiên lúc vay tiền thì bà X chở ông N lại nhà ông B nhận tiền và bà trực tiếp chứng kiến ông N nhận tiền từ ông B nên việc bà cho rằng ông B vay tiền phục vụ cá nhân là không có cơ sở. Cho nên, ông B yêu cầu bà X và ông N cùng có trách nhiệm trả tiền là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của ông B rút lại yêu cầu phân lãi, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn. Từ những phân tích trên đề

nghe HĐXX căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà X và ông N trả số tiền vốn vay còn thiếu là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh cho ông B. Đình chỉ yêu cầu phần tiền lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn rút lại một phần đơn khởi kiện; đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Võ Văn N và bà Phạm Mỹ X vắng mặt; tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Hải, kiểm sát viên đều yêu cầu xét xử vắng mặt ông N, bà X. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông N và bà X vắng mặt không lý do nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N, bà X. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày rút lại một phần nội dung yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, việc đại diện ủy quyền nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của ông B.

[2] Xét hợp đồng vay: Theo đơn kiện, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Hải yêu cầu ông Võ Văn N và bà Phạm Mỹ X trả số tiền vốn vay cho ông B là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, để chứng minh cho yêu cầu của mình phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay tiền đề như sau: “*Bạc 5 anh N 50 triệu ngày 01/02/2016, có chữ ký và ghi họ tên của anh Võ Văn N*”. Còn bị đơn bà Phạm Mỹ X cho rằng vào ngày 01/02/2016 có chở ông N đến nhà ông B để vay số tiền 50.000.000 đồng, ông N có làm B nhận tiền và ký ghi rõ họ tên, chữ ký trong B nhân mà ông B cung cấp cho Tòa án là chữ ký của ông N, ông N cũng thống nhất trả tiền tuy nhiên trả từ từ không có khả năng trả 1 lần. Xét thấy, từ khi thụ lý cho đến nay Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần có mời phía ông N và bà X tuy nhiên không chấp hành theo triệu tập của Tòa án vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, tòa án cũng đã tiến hành xuống nhà ông N tiến hành xác minh nhưng không có tại nhà. Mặc khác ông N cũng biết sự việc khởi kiện của ông B nhưng cũng không có ý kiến trình bày gì. Bà X cũng cho rằng ông N có vay số tiền của ông B 50.000.000 đồng và có ký nhận nợ đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định phía ông N, bà X còn thiếu ông B tiền vốn vay 50.000.000 đồng nên việc ông B yêu cầu trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ liên đới: Theo bà X trình bày việc ông N vay tiền là mục đích chi xài cá nhân riêng không nhằm vào việc phục vụ cho gia đình vì vậy bà không thống nhất trả số tiền 50.000.000 đồng cùng ông N. Xét thấy việc vay tiền của ông B thì bà cho rằng bà là người trực tiếp chở ông N đi lấy tiền, mặc khác hiện tại vợ chồng bà vẫn còn đang sống chung, sinh hoạt gia đình hàng ngày vẫn bình thường không có xảy ra mâu thuẫn gì như vậy, ngoài lời nói

ra bà không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà. Vì vậy: căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng buộc ông N và bà X cùng có trách nhiệm trả cho ông B số tiền vốn đã vay như đã nêu ở phần trên.

[4] **Đối yêu cầu tính lãi suất:** Đại diện ủy quyền nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với việc bà X cho rằng ông N đồng ý trả số tiền này nhưng yêu cầu trả từ từ, việc này ông B không đồng ý, cho nên việc thỏa thuận trả các bên có thể thương lượng ở giai đoạn thi hành án

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như đã phân tích nêu trên.

[6] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông N, bà X phải chịu là 2.500.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quảng Trọng B về việc yêu cầu ông Võ Văn N và bà Phạm Mỹ X trả lại số tiền vốn vay còn thiếu.

Buộc ông Võ Văn N cùng bà Phạm Mỹ X trả cho ông Quảng Trọng B số tiền vốn vay còn thiếu 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày ông B yêu cầu thi hành án, hàng tháng ông N, bà X còn phải trả lãi cho ông B theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Quảng Trọng B về việc yêu cầu ông Võ Văn N cùng bà Phạm Mỹ X trả tiền lãi suất đối với số tiền vốn vay còn thiếu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn N và bà Phạm Mỹ X cùng chịu án phí là 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Quảng Trọng B số tiền 1.250.000 đồng (*một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo B lai thu số 0007198 ngày 15/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã X.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã X;
- Chi cục THADS thị xã X;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Y;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh